

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **182/2024/HNGĐ-ST**

Ngày: 10/6/2024

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA - TỈNH ĐỒNG NAI.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Kim Chi - Cán bộ hưu trí.

2/ Ông Trần Công Danh - Cán bộ hưu trí.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Phương Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Mai Văn Thông – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 95/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2024, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 125/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 174/2024/QĐST-HNGĐ ngày 13/5/2024 và Thông báo dời ngày xét xử số 673/TB-TA ngày 31/5/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Hoàng Thị Phương D**, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Ấp H, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông **Võ Ngọc H**, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Số F, đường N, khu phố A, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Bà D có đơn xét xử vắng mặt; ông H vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Hoàng Thị Phương D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Võ Ngọc H. Bà và ông H tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2002 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai. Được Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc, sau đó thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng bất đồng quan điểm, suy nghĩ của hai vợ chồng trái ngược nhau. Vì không muốn gia đình đổ vỡ nhiều lần hai vợ chồng đã tìm cách giải quyết nhưng không có kết quả. Hiện tại hai vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Võ Ngọc H.

- Về con chung: Bà D xác định có 01 con chung cháu Võ Hoàng Bảo H1, sinh ngày 26/11/2002. Cháu H1 đã đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Võ Ngọc H được Tòa án triệu tập nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, do đó không có ý kiến hay chứng cứ gì giao nộp cho Tòa án.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh phố B:

+ Về việc kiểm sát chấp hành pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai, có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên nguyên đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, không có lời khai nên bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Hoàng Thị Phương D, cho bà Hoàng Thị Phương D được ly hôn với ông Võ Ngọc H; Về con chung: Cháu Võ Hoàng Bảo H1, sinh ngày 26/11/2002, cháu H1 đã đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động nên không xem xét, giải quyết; Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết; Về án phí: Bà Hoàng Thị Phương D phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Bà Hoàng Thị Phương D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Võ Ngọc H. Căn cứ vào Điều 28 Bộ luật dân sự xác định quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

[2] Về tư cách đương sự: Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định bà Hoàng Thị Phương D là nguyên đơn, ông Võ Ngọc H là bị đơn .

[3] Về thẩm quyền giải quyết: Theo Biên bản xác minh ngày 18/3/2024 của Công an phường B, thành phố B cung cấp: Ông Võ Ngọc H có đăng ký thường trú và sinh sống tại địa chỉ số F, đường N, khu phố A, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị Phương D thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

[4] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng cho ông Võ Ngọc H nhưng ông H không đến Tòa làm việc, tuy nhiên vào ngày 16/4/2024 ông H có đến Tòa tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải nhưng ông H không hợp tác làm việc, hoà giải, không viết bản tự khai và không giao nộp tài liệu chứng cứ gì cho Tòa án, do đó Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông H. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông H nhưng ông H không đến phiên tòa xét xử; bà Hoàng Thị Phương D có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 207, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt đối với bà D, ông H.

[5] Về yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị Phương D, HĐXX xét thấy: Bà Hoàng Thị Phương D và ông Võ Ngọc H tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2002 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 36/2002 ngày 31/12/2002, nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc, sau đó thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng bất đồng quan điểm, suy nghĩ của hai vợ chồng trái ngược nhau. Vì không muốn gia đình đổ vỡ nhiều lần hai vợ chồng đã tìm cách giải quyết nhưng không có kết quả. Hiện tại hai vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Võ Ngọc H. Bà Hoàng Thị Phương D đã nộp đơn xin xác nhận mâu thuẫn vợ chồng lên Ủy ban nhân dân xã B, huyện L có nội dung: Quá trình chung sống ban đầu hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn vợ chồng bất đồng quan điểm, suy nghĩ của hai vợ chồng trái ngược nhau, hai vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 đến nay và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện L xác nhận. Như vậy, việc mâu thuẫn trong tình cảm vợ chồng giữa bà D, ông H là

có thật, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn chung sống, không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc lẫn nhau nữa. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông H theo quy định nhưng ông H có đến Tòa án nhưng không hợp tác làm việc và không trình bày ý kiến của mình, điều đó cho thấy ông H đã bỏ mặc hôn nhân của mình không muốn hàn gắn lại với bà D. Tòa án đã tiến hành hoà giải nhưng bà D vẫn cương quyết ly hôn do không còn tình cảm gì với ông H nữa. Do đó, Tòa án căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận cho bà Hoàng Thị Phương D được ly hôn với ông Võ Ngọc H.

[6] Về con chung: Bà D xác định quá trình chung sống bà và ông H có với nhau một con chung là cháu Võ Hoàng Bảo H1, sinh ngày 26/11/2002, cháu H1 đã đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy: cháu Võ Hoàng Bảo H1, sinh ngày 26/11/2002, cháu H1 đã đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động nên không xem xét, giải quyết.

[7] Về tài sản chung: Không xem xét, giải quyết.

[8] Về nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

[9] Về ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát và đương sự:

- Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

- Xét yêu cầu của bà D phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[10] Về án phí: Bà Hoàng Thị Phương D phải nộp toàn bộ án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Ông Võ Ngọc H không phải nộp án phí.

[11] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị Phương D, bà Hoàng Thị Phương D được ly hôn với ông Võ Ngọc H.

2. Về con chung: Không xem xét, giải quyết.
3. Về tài sản chung: Không xem xét, giải quyết.
4. Về nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

5. Án phí HNGĐ-ST: Bà Hoàng Thị Phương D phải nộp 300.000 đồng án phí, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà D đã nộp tại biên lai số 0001957 ngày 28/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa. Bà Hoàng Thị Phương D đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Bà Hoàng Thị Phương D, ông Võ Ngọc H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND TP. Biên Hòa;
- THA dân sự ;
- Đương sự;
- UBND nơi kết hôn;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Quỳnh